

Bổ sung loài *Primulina sinovietnamica* W.H. Wu & Q. Zhang cho khu hệ thực vật Việt Nam

Hoàng Thị Thao¹, Lữ Thị Ngân², Đỗ Văn Trường^{2*}

¹Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang

²Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam

Ngày nhận bài 10/2/2022; ngày chuyển phân biện 14/2/2022; ngày nhận phân biện 8/3/2022; ngày chấp nhận đăng 11/3/2022

Tóm tắt:

Trong phạm vi bài báo này, các tác giả bổ sung loài thực vật *Primulina sinovietnamica* W.H. Wu & Q. Zhang thuộc họ Tai voi (*Gesneriaceae*) cho khu hệ thực vật Việt Nam; mô tả chi tiết đặc điểm hình thái, minh họa đặc điểm hình thái đặc trưng kèm theo các thông tin về phân bố, đặc điểm sinh học, sinh thái học và phân loại. Loài này trước đây được phát hiện và mô tả ở khu vực núi đá vôi tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Các mẫu vật của loài này thu được từ các quần thể ghi nhận ở Việt Nam ít có sự biến đổi về hình thái do điều kiện lập địa và khí hậu là tương đối đồng nhất ở các khu vực phân bố. Hơn nữa, so với mẫu chuẩn thu được ở Trung Quốc, các mẫu thu được ở Việt Nam có số lượng hoa xim ở mỗi cây và số lượng hoa trên mỗi xim ít hơn, kích thước lá bắc dài hơn, tràng hoa dài hơn.

Từ khóa: khu hệ thực vật Việt Nam, loài bổ sung, núi đá vôi, *Primulina*, *Primulina sinovietnamica*.

Chỉ số phân loại: 1.6

Mở đầu

Chi *Primulina* Hance được mô tả là một chi đơn loài (*Primulina tabacum* Hance) trong họ Tai voi [1]. Chi này có đặc điểm hình thái đặc trưng như bao hoa dạng ống với các cánh môi đều, trái thành mặt phẳng dạng đĩa. Nghiên cứu sau đó, một số tác giả đã đặt loài *P. tabacum* thuộc chi *Chirita* (Buch.-Ham.) do chúng có các đặc điểm hình thái tương tự nhau như: vôi nhụy xẻ, cây gần như không có thân, lá tập trung ở gốc và gần như mọc đối. Hình thái hoa của loài *P. tabacum* có hình dạng bất thường so với các loài trong chi *Chirita* có thể là do kết quả của quá trình thay đổi tác nhân thụ phấn từ ong sang bướm [2, 3].

Nghiên cứu mối quan hệ phát sinh dựa trên dữ liệu phân tử chỉ ra rằng, loài *P. tabacum* nằm trong nhánh *Chirita* sect. *Gibbosaccus*, trong khi chi *Chirita* là đa phát sinh dòng [3-5]. Dựa trên kết quả nghiên cứu mối quan hệ phát sinh chủng loại, A. Weber và cs (2011) [5] đã chuyển các loài thuộc chi *Chiritopsis* W.T. Wang, *Wentsaiboea* D. Fang & H.D. Qin và phần lớn các loài thuộc *Chirita* sect. *Gibbosaccus* sang chi *Primulina* do nguyên tắc ưu tiên danh pháp trong phân loại học. Chi *Chirita* sau đó đã bị loại bỏ. Chi *Primulina* hiện nay được xem là một trong những chi lớn của họ Tai voi. Chi này bao gồm khoảng 230 loài và phân bố rộng khắp khu vực núi đá vôi của phía nam Trung Quốc và phía Bắc Việt Nam. Các loài trong chi này dạng thân thảo lâu năm, lá thường dày, lá và hoa có hình dạng và màu sắc đẹp nên là nguồn tài nguyên cây cảnh tiềm năng [3, 5].

*Tác giả liên hệ: Email: dovantruong_bttm@yahoo.com

Chi *Primulina* đã được quan tâm nghiên cứu khá chi tiết và đầy đủ ở Trung Quốc, tuy nhiên ít được quan tâm nghiên cứu về tính đa dạng và phân loại ở Việt Nam, đặc biệt là nghiên cứu khám phá ở các khu vực núi đá vôi hẻo lánh. Trong *Thực vật chí Việt Nam*, Vũ Xuân Phương (2018) [6] đã đề cập đến 18 loài trong nhóm *Chirita* sect. *Gibbosaccus* thuộc họ Tai voi, tuy nhiên danh pháp của các loài này cần được thay đổi để phù hợp với kết quả nghiên cứu gần đây. Trong quá trình điều tra và nghiên cứu tính đa dạng họ Tai voi ở Việt Nam, các tác giả đã thu thập được một vài mẫu của một loài *Primulina* ở khu vực núi đá vôi của tỉnh Lạng Sơn. Sau khi so sánh mẫu vật với các mẫu chuẩn và bản mô tả gốc của các loài *Primulina* đã biết, các mẫu trên được định loại là loài *P. sinovietnamica* W.H. Wu & Q. Zhang thuộc họ Tai voi, loài này trước đây mới chỉ ghi nhận cho khu vực núi đá vôi tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, giáp với khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc [7]. Như vậy, nghiên cứu này đã bổ sung loài *P. sinovietnamica* W.H. Wu & Q. Zhang cho khu hệ thực vật Việt Nam.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng

Mẫu vật được thu thập từ nghiên cứu ngoài thực địa ở khu vực núi đá vôi huyện Bắc Sơn và Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn trong giai đoạn 2020-2021. Các đặc điểm hình thái của cơ quan sinh dưỡng và sinh sản (hình dạng và màu sắc của lá, bao hoa, đài, tràng...) được quan sát, mô tả và chụp ảnh bằng máy ảnh kỹ thuật số Pentax Optio W80 trong suốt quá trình nghiên cứu ngoài thực địa.

Primulina sinovietnamica W.H. Wu & Q. Zhang, a new record for flora of Vietnam

Thi Thao Hoang¹, Thi Ngan Lu², Van Truong Do^{2*}

¹Bac Giang Agriculture and Forestry University

²Vietnam National Museum of Nature,

Vietnam Academy of Science and Technology

Received 10 February 2022; accepted 11 March 2022

Abstract:

Primulina sinovietnamica W.H. Wu & Q. Zhang (*Gesneriaceae*), a previously known species from Guangxi province, southern China, is newly reported for the flora of Vietnam. Detailed morphological descriptions together with colour illustrations, information on phenology, ecology, distribution, and taxonomic notes are also provided. In comparison to the populations found in China, specimens of this species obtained from populations recorded in Vietnam have little morphological variation, because the site and climatic conditions are relatively homogeneous in the distribution areas. Furthermore, compared with the type specimens in China, the specimens newly collected in Vietnam have less number of cymes and a number of flowers per each cyme, longer bracts, and longer corolla.

Keywords: flora of Vietnam, limestone, new record, *Primulina*, *Primulina sinovietnamica*.

Classification number: 1.6

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp hình thái so sánh được sử dụng để định loại mẫu vật thu thập được. Các đặc điểm hình thái trên được so sánh với các mẫu chuẩn và bản mô tả gốc của các loài *Primulina* đã biết cũng như các mẫu nghiên cứu thuộc chi *Primulina* hiện đang lưu giữ tại các phòng tiêu bản: Vườn Thực vật nhiệt đới Xishuangbana, Trung Quốc (HITBC), Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Việt Nam (HN), Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam (HNU), Viện Thực vật Quảng Tây, Trung Quốc (IBK), Vườn Thực vật Hoa Nam, Trung Quốc (IBSC), Viện Thực vật Côn Minh, Trung Quốc (KUN), Viện Thực vật Bắc Kinh, Trung Quốc (PE) và Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam (VNMN).

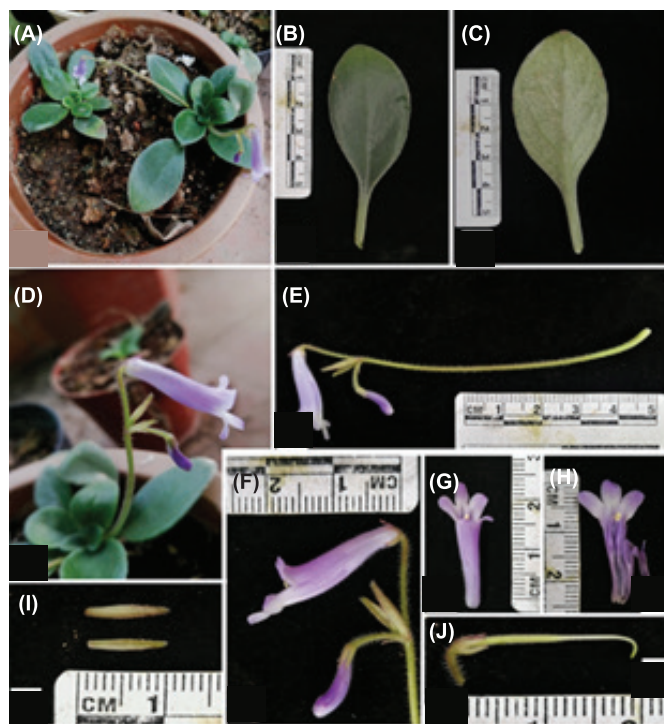
Kết quả và bàn luận

Hình thái của loài *P. sinovietnamica* W.H. Wu & Q. Zhang, *Phytotaxa* 60: 36. 2012 được thể hiện ở hình 1 và 2.

Type: China. Guangxi: Longzhou County, Longgang National Nature Reserve. 595 m, 22°30'54.03" N, 106°52'14.29" E, 30 October 2010, Wang-Hui Wu W0321 (holotype IBK!, isotype IBK!).



Hình 1. Mẫu tiêu bản của loài *P. sinovietnamica* ghi nhận ở Lạng Sơn.



Hình 2. Hình thái của loài *P. sinovietnamica*. (A) Dạng sống; (B) Lá mặt trên; (C) Lá mặt dưới; (D) Cụm hoa xim ở nách lá; (E) Hình thái cụm hoa; (F) Hoa xim và mặt bên hoa; (G) Mặt trước hoa; (H) Cấu trúc bên trong hoa; (I) Hình thái lá bắc; (J) Hình thái quả.

Mô tả: Cây thân thảo sống lâu năm, lá tập trung ở phần gốc sát đất. Cuống lá det, dài 1-3 cm, rộng 1,5-3 mm, có nhiều lông nằm áp sát. Phiến lá hình elip, trứng, hay trứng - ngọn giáo, kích thước 2-6×1,2-3 cm, phiến lá dày, có nhiều lông nằm áp sát trên cả 2 mặt lá, mặt trên màu xanh thẫm, mặt dưới màu xám trắng; gốc lá hình nêm, đầu lá tù hay gần nhọn, mép lá nguyên; gân chính nổi rõ, gân bên 2-4 đôi, khó quan sát. Cụm hoa hình xim, mang 2-6 xim ở nách lá, trục cụm hoa đơn hay chia nhánh, mỗi xim mang 2-5(-8) hoa; cuống cụm hoa dài 5-11 cm, có lông tơ thưa và ít lông dính; lá bắc 2, hình ngọn giáo thuôn, kích thước 3-8×1-2 mm, có nhiều lông màu xám nằm áp sát trên cả 2 mặt, mép nguyên. Cuống hoa dài 1,5-2 cm, rộng 1 mm, có ít lông tơ và lông dính thưa. Đài 5, xê tới gần gốc, thùy đài hình ngọn giáo thuôn hay hình đường, kích thước 1-3×0,5 mm, bên ngoài có ít lông nằm áp sát, bên trong nhẵn, mép nguyên, đầu có mũi nhọn. Tràng hoa hình ống, màu trắng phớt tím hay màu tím nhạt, dài 1,2-2,2 cm, bên ngoài có lông mịn, bên trong có ít lông thưa; ống tràng dạng phễu hẹp, dài 0,8-1,7 cm, phần miệng rộng 4-6 mm, phần gốc rộng 2,5-3 mm; cánh môi gồm 2 phần: 2 thùy môi trên hình thuôn, kích thước 3-4×3 mm, 3 thùy môi dưới hình thuôn, lớn hơn 2 thùy môi trên, kích thước 4-5×4 mm. Nhị hữu thụ 2, dính ở phía trên gốc của ống tràng khoảng 5 mm; chỉ nhị dài 5-6 mm, thường uốn cong ở vị trí 3,5 mm, màu tím, có ít lông thưa; bao phấn dài 2 mm, nhẵn. Nhị lép 3, 2 nhị bên dài khoảng 3-4 mm, dính ở phía trên gốc của ống tràng khoảng 5 mm, màu tím nhạt, nhẵn; nhị giữa dài khoảng 0,4-0,5 mm, dính ở phía trên gốc của ống tràng khoảng 5 mm, màu tím nhạt, nhẵn. Đĩa mật cao khoảng 1 mm, hình tròn, nhẵn. Bộ nhụy dài 0,8-1,2 cm, bầu hình đường, kích thước 4-5×1 mm, có lông mịn và ít lông dính; vòi nhụy dài 4-6 mm; núm nhụy hình tim, phần đầu mở rộng, có 2 thùy. Quả nang, hình đường, kích thước 16-20×2 mm, có ít lông mịn (hình 1 và 2).

Đặc điểm sinh học, sinh thái: Loài này mọc rải rác ở các khu vực khe, vách núi đá vôi ẩm, giàu mùn, hay ở khu vực miệng hang núi đá vôi. Cây thường ra hoa tháng 10 đến tháng 11, ra quả tháng 12 đến tháng 1 năm sau.

Phân bố: Ghi nhận mới cho Việt Nam (Lạng Sơn: Bắc Sơn, Hữu Lũng); Trung Quốc (Quảng Tây).

Mẫu nghiên cứu: Lạng Sơn: Bắc Sơn, Vũ Sơn, 9/11/2020, Đỗ Văn Trường ĐVT398 (VNMN); Hữu Lũng, Hữu Liên, 16/10/2021, Đỗ Văn Trường ĐVT519 (VNMN).

Chú ý về phân loại: Loài *P. sinovietnamica* có đặc điểm hình thái tương tự với 2 loài: *P. pungentisepala* (W.T. Wang) Mich. Möller & A. Weber và *P. ningmingensis* (Yan Liu & W.H. Wu) W.B. Xu & K.F. Chung, cả 2 loài phân bố ở phía nam Trung Quốc, nhưng *P. sinovietnamica* có thể dễ dàng

phân biệt với 2 loài kể trên bởi các đặc điểm hình thái của lá, lá bắc, đài, nhị lép và núm nhụy [7]. Các quần thể ghi nhận ở Trung Quốc có hình thái lá biến đổi tương đối nhiều, lá có thể có lớp lông ngắn nằm áp sát hay lá có lớp lông dài, màu xám hay màu tím, mặt trên lá có nhiều vết đốm màu tím. Sự biến đổi trên là do ảnh hưởng của các yếu tố của môi trường sống. Tuy nhiên, các mẫu vật của loài này thu được ở các quần thể ghi nhận ở Việt Nam ít có sự biến đổi về hình thái, do điều kiện lập địa và khí hậu là tương đối đồng nhất ở các khu vực phân bố.

So với mẫu chuẩn thu được ở Trung Quốc, các mẫu thu được ở Việt Nam có số lượng hoa xim ở mỗi cây và số lượng hoa trên mỗi xim ít hơn, kích thước lá bắc dài hơn và tràng hoa dài hơn.

Kết luận

Nghiên cứu này đã bổ sung loài *P. sinovietnamica* W.H. Wu & Q. Zhang (*Gesneriaceae*) cho khu hệ thực vật Việt Nam kèm theo các thông tin về mô tả hình thái, đặc điểm sinh học, sinh thái học. Tuy nhiên, cần tiếp tục nghiên cứu thêm về giá trị sử dụng và bảo tồn loài này ở nước ta.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được thực hiện dưới sự hỗ trợ kinh phí của đề tài “Nghiên cứu tính đa dạng và bảo tồn họ Tai voi (*Gesneriaceae*) trên núi đá vôi của Việt Nam” (mã số: 106.03-2019.308) do Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia tài trợ. Các tác giả xin chân thành cảm ơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] H.F. Hance (1883), “*Primulina tabacum* Hance”, *Journal of Botany*, **21**, DOI: 10.11646/phytotaxa.197.4.6.
- [2] W.T. Wang, K.Y. Pan, Z.Y. Li, et al. (1998), *Flora of China*, Science Press, **18**, pp.244-401.
- [3] Z.Y. Li, Y.Z. Wang (2004), *Plants of Gesneriaceae in China*, Henan Science and Technology Publishing House, **1**, pp.1-721.
- [4] Y.Z. Wang, R.B. Mao, Y. Liu, et al. (2011), “Phylogenetic reconstruction of *Chirita* and allies (*Gesneriaceae*) with taxonomic treatments”, *Journal of Systematics and Evolution*, **49(1)**, pp.50-64.
- [5] A. Weber, D.J. Middleton, A. Forrest, et al. (2011), “Molecular systematics and remodelling of *Chirita* and associated genera (*Gesneriaceae*)”, *Taxon*, **60(3)**, pp.767-790.
- [6] Vũ Xuân Phương (2018), *Thực vật chí Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, **18**, tr.15-21.
- [7] W.H. Wu, T. Meng, W.B. Xu, et al. (2012). “*Primulina sinovietnamica* (*Gesneriaceae*), a new species identified by both morphological and molecular characters from the limestone area in Guangxi, China”, *Phytotaxa*, **60**, pp.32-40.